

Bài 1: Thao tác đầu tiên với CSDL

- Tạo CSDL: CREATE DATABASE <Tên_CSDL>
- Xóa CSDL: DROP DATABASE (IF EXIST) <Tên_CSDL>
- Dùng CSDL: USE <Tên_CSDL>

Bài 2: Các thao tác với bảng CSDL

- Tạo bảng cho CSDL: CREATE TABLE (IF NOT EXIST) <Tên_bảng> (
<Tên_cột> <Kiểu_dữ_liệu> <Điều_kiện_ràng_buộc>
(<Kiểu_thuộc_tính>),...)
- Thay đổi cấu trúc bảng: ALTER TABLE + ...
+ ADD <Tên_cột> <Kiểu_dữ_liệu> <Điều_kiện_ràng_buộc>
(<Kiểu_thuộc_tính>)
+ MODIFY <Tên_cột_cần_sửa> <Sửa_thành_...>
+ DROP <Tên_cột>
- Xóa bảng: DROP TABLE <Tên_bảng>

Bài 3 + 4: Các câu lệnh truy vấn đơn giản

- SELECT <Tên_các_cột> FROM <Tên_bảng>
- SELECT <Tên_các_cột> FROM <Tên_bảng> WHERE <Điều_kiện>
- AND, OR và IS NULL: tương tự như trên.
- Thêm từ khóa DISTINCT vào câu lệnh đầu tiên có thể loại đi các dữ liệu lặp.
- LIMIT (S), N: Nếu không có S MySQL sẽ lấy N giá trị đầu tiên, còn nếu có thì sẽ lấy N giá trị từ giá trị thứ S.
- Các toán tử IN, BETWEEN dùng để chọn lọc dữ liệu.
- Toán tử LIKE: Truy vấn dữ liệu có phần đầu giống, phần đuôi giống, phần giữa giống, sử dụng “%a”, “a%”, “%a%”. Trong đó a là chuỗi cần tham chiếu.
- ORDER BY <Tên_cột_phụ_thuộc> X: X = DESC để xếp giảm dần, X = ASC để xếp tăng dần.
- Kết hợp kết quả: <Mệnh_đề_1> UNION <Mệnh_đề_2>

Bài 5: Các hàm xử lý

- Hàm lấy chuỗi con SUBSTRING: SUBSTRING <Tên_chuỗi, FROM chỉ_số_bắt_đầu FOR số_ký_tự_cần_lấy>
- Hàm nối chuỗi CONCAT: CONCAT <Các_chuỗi_cần_nối> hoặc CONCAT <Ký_tự_phân_cách, chuỗi_1, chuỗi_2, ..., chuỗi_n>
- Hàm chỉnh sửa REPLACE: UPDATE <Tên_bảng> SET <Tên_cột> = REPLACE <Tên_cột, chuỗi_trước_chỉnh_sửa, chuỗi_sau_chỉnh_sửa> WHERE <điều_kiện_1, điều_kiện_2, ..., điều_kiện_n>
- IF <Điều_kiện, Giá_trị_nếu_đúng, Giá_trị_nếu_sai>
- ...

Bài 6: Truy vấn nhóm:

- Tính tổng bằng hàm SUM: SELECT SUM<Tên_cột> FROM <Tên_bảng> hoặc SELECT sum <Tên_cột_1 + - x : Tên_cột_2> <Tên_cột_mới> FROM <Tên_các_bảng>
- Tính trung bình, giá trị lớn nhất, nhỏ nhất, số lượng: Thay SUM bằng AVG, MAX, MIN, COUNT.